TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25/10/2021
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Hoài Tâm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Mai Thị Thu Trang**

2/ Ông **Thái Cao Bình**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Ngọc Hà** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cam Lâm.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa*:** Bà **Trương Thị Dung** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 112/2021/TLST-HNGĐ ngày 11/5/2021 về việc: "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/9/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05/10/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hải N** - Sinh năm: 1990
Địa chỉ: thôn T, xã T, Tp. P, tỉnh Ninh Thuận. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông **Đặng D** - Sinh năm: 1990
Địa chỉ: thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện đề ngày 31/3/2021, bản tự khai ngày 27/5/2021, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hải N trình bày:

Về yêu cầu ly hôn: Bà N và ông Đặng D tự nguyện kết hôn với nhau năm 2017 và được Ủy ban nhân dân xã T, Tp. P, tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 97 ngày 23/11/2017.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà N đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên kình cãi nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, đời sống chung không hòa hợp, ông D không có trách nhiệm chăm lo cho gia đình, thường xuyên chửi mắn, xúc phạm bà N. Mặc dù, gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng bà N vẫn không thay đổi. Tháng 5/2020, bà

N đã đưa con về Ninh Thuận sinh sống. Cũng từ thời gian đó vợ chồng bà đã sống ly thân nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, vợ chồng không thể hàn gắn để sống cùng nhau được, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đặng D.

Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng bà N, ông D có 01 con chung là cháu Đặng Minh K sinh ngày 24/7/2018. Hiện nay, cháu K đang ở với bà N, vì vậy bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu K và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

- Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hải N đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn ông Đặng D không chấp hành các quy định của pháp luật về tố tụng, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp lý nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn cũng như về việc nuôi con, cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 31/3/2021, bà Nguyễn Thị Hải N có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đặng D, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hải N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Đặng D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] *Về yêu cầu ly hôn*: Bà Nguyễn Thị Hải N và ông Đặng D tự nguyện kết hôn với nhau năm 2017 và được Ủy ban nhân dân xã T, Tp. P, tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 97 ngày 23/11/2017, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa bà N và ông D đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên kình cãi nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, đời sống chung không hòa hợp, ông D không có trách nhiệm chăm lo cho gia đình, thường xuyên chửi mắn, xúc phạm bà N. Tháng 5/2020, bà N phải đưa con về Ninh Thuận sinh sống và từ đó vợ chồng bà N, ông D sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần để hòa giải nhưng ông D vẫn cố tình vắng mặt, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này

chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Hải N là có căn cứ.

[3] *Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:* Bà N và ông D có 01 con chung là cháu Đặng Minh K sinh ngày 24/7/2018. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu K đang sống cùng bà N, đồng thời cháu K còn bé rất cần sự chăm sóc của mẹ nên yêu cầu nuôi con của bà N là có căn cứ chấp nhận. Bà N không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] *Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn:* Bà N không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] *Về án phí:* Bà N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Hải N được ly hôn với ông Đặng D.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

Giao cháu Đặng Minh K sinh ngày 24/7/2018 cho bà Nguyễn Thị Hải N được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Bà Nguyễn Thị Hải N không yêu cầu giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hải N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0008749 ngày 07/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cam Lâm; bà Nguyễn Thị Hải N đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Quy định: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Cam Lâm;
- THADS huyện Cam Lâm;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hoài Tâm